

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2017

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Tình hình chung.

Năm 2017 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, Nguồn thu ngân sách các địa phương được xác định trên cơ sở quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020. Kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2017 đạt kế hoạch của HĐND huyện giao.

Dự toán ngân sách năm 2017 được giao sớm, đúng quy định về thời gian, tạo điều kiện để các đơn vị dự toán chủ động triển khai thực hiện; chế độ của người lao động, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Các đơn vị dự toán làm tốt công tác phân bổ ngân sách, lập kế hoạch chi ngân sách theo đúng định mức kế hoạch được giao, theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong thời kỳ, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, tạo thuận lợi trong công tác điều hành quản lý nhà nước và phát triển ngành theo đúng định hướng.

2. Thuận lợi, khó khăn.

2.1. Thuận lợi.

- Tình hình kinh tế chính trị - xã hội trên địa bàn luôn ổn định, tạo thuận lợi cho thực hiện dự toán thu, chi NSNN.

- Cơ chế giao quyền tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 130/2005/NĐ-CP đã tiếp tục phát huy được tính chủ động trong công tác điều hành ngân sách và trong công tác chuyên môn.

- Các đơn vị dự toán, các xã, thị trấn chấp hành nghiêm dự toán thu, chi ngân sách được giao đầu năm và dự toán chi bổ sung mục tiêu trong năm, đảm bảo chi đúng, chi đủ cho đối tượng theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2.2. Khó khăn.

- Thu ngân sách chưa thực sự ổn định và bền vững, thu lệ phí trước bạ đạt thấp đã ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách, công tác triển khai đấu giá quyền sử dụng đất chậm. Việc hụt thu ngân sách năm 2016 ảnh hưởng tiêu cực

đến công tác điều hành ngân sách đầu năm 2017 do không có nguồn tăng thu và kết dư ngân sách.

- Trình độ nghiệp vụ kế toán các đơn vị dự toán, các xã, thị trấn đã có chuyển biến, tuy nhiên tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ kế toán chưa cao, khả năng cập nhật các văn bản hướng dẫn mới chưa kịp thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác phần mềm quản lý ngân sách vẫn còn hạn chế, quá trình thực hiện công việc còn chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến việc điều hành, quyết toán ngân sách huyện.

- Sự phối hợp giữa các phòng, ban, ngành chuyên môn có liên quan chưa chặt chẽ, chưa có sự đầu mối phối hợp để thực hiện một số nhiệm vụ. Do đó hiệu quả xử lý công việc ở một số lĩnh vực chưa cao như: Lĩnh vực về Đấu giá đất, GPMB thực hiện dự án,...

- Là năm thời tiết không thuận lợi, mưa lũ xảy ra đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống của nhân dân, gây thiệt hại nặng về người và tài sản và ảnh hưởng lớn đến hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội nói chung trong đó có công tác thu, chi ngân sách.

II. KẾT QUẢ THU NSNN: *(Chi tiết tại phụ biểu số 01)*

Tổng thu ngân sách huyện, xã: 763.386 triệu đồng.

Trong đó: - Tổng thu ngân sách huyện: 640.028 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách xã: 123.358 triệu đồng.

1. Thu ngân sách trên địa bàn: 73.126 triệu đồng, đạt 149,7% KH tỉnh giao, đạt 129,6% KH huyện giao, so với cùng kỳ đạt 105,9 %.

Trong đó:

- Thu điều tiết NS trung ương	1.242 triệu đồng.
- Thu điều tiết NS tỉnh	21.076 triệu đồng.
- Thu điều tiết NS huyện	39.917 triệu đồng.
- Thu điều tiết NS xã	10.790 triệu đồng.

Thu cân đối trên địa bàn: 50.708 triệu đồng, đạt 126,5% KH tỉnh giao, đạt 105,5% KH huyện giao, so với cùng kỳ đạt 81,3 %.

Chi tiết một số chỉ tiêu thu:

a) Thuế thu nhập cá nhân: 1.747 triệu đồng, đạt 116,4% KH tỉnh giao, đạt 103,6% KH huyện giao, bằng 104,3% so cùng kỳ.

b) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 1.159 triệu đồng, đạt 724,4% KH tỉnh và 724,4 KH huyện giao.

c) Thuế tài nguyên 30.881 triệu đồng, đạt 176,4% KH tỉnh giao, đạt 166,9% KH huyện giao, bằng 146,1% so cùng kỳ.

d) Thuế GTGT: 9.954 triệu đồng, đạt 116,2% KH tỉnh giao, đạt 112,9% KH huyện giao, bằng 98,7% so cùng kỳ.

e) Lệ phí trước bạ: 4.315 triệu đồng, đạt 50,8% KH tỉnh giao, đạt 48,7% KH huyện giao, bằng 55,9% so cùng kỳ.

f) Thu ngoài sắc thuế (bao gồm cả thu đóng góp, ghi thu ghi chi học phí): 6.634 triệu đồng đạt 501,8% KH tỉnh giao, đạt 136,7% KH huyện giao, bằng 123% so cùng kỳ.

2. Thu từ nguồn trợ cấp cân đối.

a) Thu trợ cấp cân đối ngân sách huyện 476.993 triệu đồng.

b) Thu trợ cấp cân đối ngân sách xã: 92.126 triệu đồng.

3. Trợ cấp mục tiêu.

a) Thu trợ cấp mục tiêu ngân sách huyện: 85.945 triệu đồng.

b) Thu trợ cấp mục tiêu ngân sách xã: 18.285 triệu đồng.

4. Nguồn chuyển nguồn ngân sách và kết dư ngân sách: 39.329 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách huyện: 37.173 triệu đồng.

- Ngân sách xã: 2.156 triệu đồng.

III. KẾT QUẢ CHI NSDP. (Chi tiết tại phụ biểu số 02)

Tổng chi ngân sách huyện, xã: 724.019 triệu đồng đạt 136,8 % KH giao, so với cùng kỳ đạt 128,6% (Bao gồm cả chi bổ sung có mục tiêu trong năm).

1. Chi ngân sách huyện: 615.258 triệu đồng đạt 144,9% KH giao, so với cùng kỳ đạt 129,0%.

Trong đó:

- Chi đầu tư : 52.199 triệu đồng, đạt 358,6% KH, 124,8% cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 446.450 triệu đồng, đạt 111,4% KH, bằng 132,6% cùng kỳ.

- Chi cho NS cấp dưới: 110.411 triệu đồng, bằng 122,7% cùng kỳ.

2. Chi ngân sách xã: 108.762 triệu đồng, đạt 104,1% KH giao.

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017.

1. Kết quả đạt được.

Một số chỉ tiêu thu đạt và vượt kế hoạch như: Thuế tài nguyên (166,9%), Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (724,4%), Thuế thu nhập cá nhân (103,6%), thu cấp quyền sử dụng đất (135,6%), thuế GTGT (112,9%)...

Công tác điều hành chi ngân sách thực hiện đúng theo kế hoạch giao ngân sách của huyện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh và giải quyết một số nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn huyện.

Các đơn vị dự toán làm tốt công tác phân bổ ngân sách, lập kế hoạch chi ngân sách theo đúng định mức kế hoạch được giao, theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, tạo thuận lợi trong công tác điều hành quản lý nhà nước và phát triển ngành theo đúng định hướng.

Cơ quan tài chính đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn, giao ban định kỳ để trao đổi, giúp đỡ các đơn vị trong việc thực hiện dự toán ngân sách năm 2017, đồng thời có hướng dẫn để khắc phục các sai sót, vi phạm, rút kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

UBND huyện đã lập Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2016 thông qua Sở Tài chính và hoàn thiện trình HĐND huyện khóa XX thông qua.

2. Những tồn tại và nguyên nhân cơ bản.

Nhiều chỉ tiêu thu so với cùng kỳ đạt thấp, Lệ phí trước bạ chỉ đạt 48,7% so kế hoạch năm; Thuế công thương nghiệp chỉ đạt 96,9% kế hoạch năm...; Thu trên địa bàn về tổng thể vượt kế hoạch (bằng 105,5%) nhưng chiếm phần lớn là các khoản ghi thu, ghi chi đầu tư hạ tầng, GPMB từ các mặt bằng đấu giá đất, thu đóng góp... Điều đó làm ảnh hưởng đến việc bố trí vốn để chi đầu tư XD/CB trên địa bàn huyện trong năm theo Nghị quyết HĐND đã đề ra, không cân đối được nguồn để thực hiện một số nhiệm vụ chi thường xuyên phát sinh trong năm. Nguyên nhân của những tồn tại, đó là:

- Một số đơn vị, cấp ủy chính quyền xã chưa chú trọng việc tập trung rà soát, quản lý nguồn thu phát sinh tại địa bàn nhằm tận thu một cách triệt để như tiền thu phí, lệ phí ở xã, tiền thu mặt đất, mặt nước,... tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào ngân sách cấp trên vẫn còn phổ biến.

- Công tác triển khai các bước trong quy hoạch khu dân cư, cấp đất có thu tiền, đấu thầu các khu đất mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn còn chậm.

- Các phòng chức năng, Phòng Tài chính- Kế hoạch, Chi Cục thuế, Phòng Tài nguyên - Môi trường, các xã, thị trấn chưa phối hợp làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn trong việc thực hiện kế hoạch thu ngân sách tại các xã, thị trấn vì vậy không huy động triệt để nguồn thu vào ngân sách. UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt các ngành chức năng dưới sự chủ trì của Chi cục thuế rà soát các đối tượng kinh doanh để đưa vào quản lý thuế theo quy định, nhưng kết quả chưa đạt yêu cầu. ☹

- Chế độ lập báo cáo số liệu của nhiều đơn vị còn chưa khớp đúng, còn chậm theo quy định của chế độ kế toán.

- Chi ngân sách một số xã, đơn vị chưa kịp thời cho các đối tượng chính sách, chi chưa đúng định mức, việc cập nhật chứng từ chi còn chậm hoặc để thất lạc chứng từ, lập báo cáo Quyết toán ngân sách theo niên độ còn chậm, một số mẫu biểu Quyết toán còn chưa thực hiện, báo cáo quyết toán của một số đơn vị còn sơ sài. Cá biệt có đơn vị (như xã Bát Mọt) vi phạm nghiêm trọng khi tùy tiện sử dụng tiền chính sách, an sinh xã hội để chi cho nhiệm vụ khác gây bức xúc trong nhân dân, các cơ quan báo chí đưa tin làm ảnh hưởng đến hình ảnh của huyện, phủ nhận những kết quả cố gắng trong thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn huyện.

- Trong chi ngân sách vẫn còn tình trạng lãng phí, chưa thực sự tiết kiệm trong chi thường xuyên, nhiều nội dung chi chưa thực sự cấp bách vẫn tiến hành chi. Việc thực hiện chương trình mục tiêu còn chậm, chưa cấp kinh phí kịp thời cho đối tượng được thụ hưởng.

- Việc thực hiện báo cáo theo chỉ đạo của UBND huyện còn chậm, nhiều đơn vị không thực hiện báo cáo dẫn đến việc cấp kinh phí và công tác chỉ đạo điều hành chi còn chưa kịp thời, đặc biệt là các báo cáo về chế độ chính sách như: Chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiền điện; Chính sách hỗ trợ mai táng phí, trợ cấp xã hội cho các đối tượng;...

- Công tác thực hiện các kết luận của thanh tra, kiểm toán còn chưa được quan tâm đúng mức và còn chậm dẫn đến huyện không thể tổng hợp kết quả để báo cáo các cơ quan cấp tỉnh đúng thời gian theo quy định.

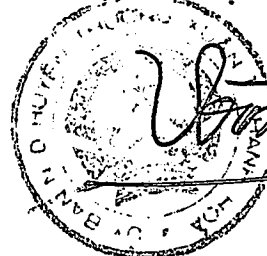
- Là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, định mức mới ban hành đã có sự thay đổi so với định mức cũ. Song với điều kiện một huyện miền núi, nhu cầu chi phát sinh nhiều, đặc biệt là trong đợt mưa lũ trung tuần tháng 10/2017, nhu cầu chi để khắc phục hậu quả thiên tai rất lớn trong điều kiện hỗ trợ từ cấp trên hạn chế, nguồn lực tại chỗ có hạn làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch tài chính năm do phải cơ cấu và sắp xếp lại nhiệm vụ chi.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2017, UBND huyện báo cáo Kỳ họp thứ 4 – HĐND khóa XX.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (để b/c);
- Thường trực Huyện ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ủy viên UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, cơ quan;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cẩm Bá Xuân

Phụ biểu 01:

BÁO CÁO THU NSNN NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 272/BC-UBND ngày 07/12/2017 của UBND huyện Thường Xuân)

ĐVT: nghìn đồng.

Mục thu	Chỉ tiêu thu	KH tỉnh giao	KH H. giao	Tổng thực hiện	So KH tỉnh giao	So KH H. giao	So T/h cùng kỳ
A	TỔNG THU NS HUYỆN, XÃ	609.218.455	617.185.979	763.385.734	125,3	123,7	109,4
B	TỔNG THU NS HUYỆN	507.424.000	512.719.751	640.027.883	126,1	124,8	109,9
C	TỔNG THU NS XÃ	101.794.455	104.466.228	123.357.851	121,2	118,1	106,9
1	Thu cân đối trên địa bàn	40.099.600	48.067.124	50.707.501	126,5	105,5	81,3
2	Tổng thu trên địa bàn	48.836.000	56.440.512	73.125.738	149,7	129,6	105,9
	Trong đó: - NS Trung ương			1.242.101			
	- NS Tỉnh	8.736.400	9.265.751	21.076.136	241,2	227,5	352,4
	- NS Huyện	30.431.000	35.726.751	39.917.017	131,2	111,7	78,8
	- NS Xã	9.668.600	12.340.373	10.790.484	111,6	87,4	92,4
2.1	Tổng thu các sắc thuế	47.514.000	51.586.000	66.491.665	139,9	128,9	104,4
1000	Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	1.686.000	1.746.658	116,4	103,6	104,3
1050	Thuế công thương nghiệp	250.000	520.000	503.842	201,5	96,9	209,8
1250	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	160.000	160.000	1.158.999	724,4	724,4	627,3
1500	Thuế nhà đất, cấp quyền SDD	11.000.000	13.000.000	17.629.461	160,3	135,6	79,8
1550	Thuế tài nguyên	17.504.000	18.504.000	30.881.157	176,4	166,9	146,1
1600	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000	30.000		0,0	0,0	
1700	Thuế VAT	8.570.000	8.820.000	9.954.322	116,2	112,9	98,7
1750	Thuế tiêu thị đặc biệt			37.870			
2800	Lệ phí trực bạ QLNN về QSH, QSDTS	8.500.000	8.866.000	4.314.887	50,8	48,7	55,9
	Các khoản thu khác về thuế			264.469			
2.2	Tổng thu ngoài sắc thuế	1.322.000	4.854.512	6.634.073	501,8	136,7	123,0
2.2.1	Tổng thu phí lệ phí	761.000	1.022.000	4.195.554	551,3	410,5	185,2
2.2.2	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	51.000	124.377	225.241	441,6	181,1	300,5
3600	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	51.000	124.377	225.241	441,6	181,1	300,5
2.2.3	Thu khác ngân sách, thu đóng góp	510.000	3.708.135	2.213.278	434,0	59,7	72,5
4500	Các khoản đóng góp		3.636.000	1.376.495		37,9	137,5
4900	Các khoản thu khác ngân sách	510.000	72.135	836.783	164,1		40,8
3	Thu chuyển nguồn, kết dư NS	0	0	39.329.504			152,7
4800	- NS Huyện			37.173.034			151,1
4800	- NS Xã			2.156.470			186,9
4	Tổng thu trợ cấp cân đối NS huyện	476.993.000	476.993.000	562.937.832	118,0	118,0	111,1
4651	Bổ sung cân đối ngân sách	476.993.000	476.993.000	476.993.000	100,0	100,0	124,0
4654	BSMT bằng nguồn vốn trong nước			85.944.832			70,4
5	Tổng thu trợ cấp ngân sách xã	92.125.855	92.125.855	110.410.897	119,8	119,8	107,7
7301	Chi bổ sung cân đối ngân sách	92.125.855	92.125.855	92.125.855	100,0	100,0	114,7
7302	Chi BS có mục tiêu bằng vốn trong nước			18.285.042			82,4

Phụ biểu 02:

BÁO CÁO CHI NSDP TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 272/BC-UBND ngày 12/12/2017 của UBND huyện Thường Xuân)

Đơn vị tính: nghìn đồng

T T	Chỉ tiêu chi	KH giao trong năm	Số thực hiện	So sánh Thực hiện/Dự toán (%)	So cùng kỳ (%)
	CHI NS HUYỆN, XÃ (A+B)	529.142.124	724.019.493	136,8	128,6
A	CHI NS HUYỆN	424.675.896	615.257.922	144,9	129,0
I	Chi đầu tư phát triển	14.558.000	52.199.481	358,6	124,8
II	Chi thường xuyên	400.697.869	446.450.358	111,4	132,6
1	Chi sự nghiệp kinh tế	3.422.480	8.544.965	249,7	110,1
2	SN VH TT, TDTT	1.278.435	956.819	74,8	60,8
3	SN PT truyền hình	2.284.786	2.266.460	99,2	106,9
4	SN Y tế (Mua BHYT ĐTCS)	40.072.000	52.778.655	131,7	177,9
5	SN giáo dục - đào tạo	307.474.000	327.678.098	106,6	132,1
6	SN môi trường	434.000	479.049	110,4	
7	SN khuyến công	50.000	50.000	100,0	
8	Chi đảm bảo xã hội	14.566.310	22.318.413	153,2	120,8
9	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	22.438.858	27.247.328	121,4	106,7
10	Chi an ninh+ quốc phòng	3.235.000	3.341.137	103,3	98,1
11	Chi khác ngân sách	260.000	789.434	303,6	
12	Chi các nhiệm vụ PS ngoài dự toán	0			
13	Cải cách tiền lương	5.182.000		0,0	
III	Chi Dự phòng ngân sách	7.334.027	6.197.186	84,5	
IV	Chi chuyển nguồn NS				
V	Chi QL qua NSNN	2.086.000		0,0	
VI	Chi cho NS cấp dưới	0	110.410.897		122,7
	Chi bổ sung cân đối		92.125.855		
	Chi bổ sung mục tiêu		18.285.042		
VII	Chi hoàn trả NS				
B	CHI NGÂN SÁCH XÃ (7301)	104.466.228	108.761.571	104,1	126,4
	Chi đầu tư	21.378.000	34.965.095	163,6	462,7
	Chi thường xuyên	80.531.255	73.796.476	91,6	94,0
	Chi dự phòng ngân sách	1.006.973			
	Chi chuyển nguồn NS	0			
	Chi QL qua NSNN	1.550.000			